**Phụ lục IV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2023/TT-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

# Phụ lục VI
# MẪU PHIẾU KIỂM ĐỊNH

**Đơn vị đăng kiểm** .....

**PHIẾU KIỂM ĐỊNH**

Số phiếu:

Ngày kiểm định: / / Kiểm định lần: Biển số đăng ký:

Loại PT: KDVT: ☐

Năm, nơi SX: / Nhãn hiệu, số loại:

Số máy thực tế: Số khung thực tế:

Chỉ số trên đồng hồ công-tơ-mét (odometer):

**Thông số kiểm tra bằng thiết bị**

| TT | Tên thông số | Giá trị | TT | Tên thông số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Nồng độ CO (%) | | 17 | Lực phanh trái (N) | | | | | | |
| 02 | Nồng độ HC (ppm) | | 18 | Lực phanh phải (N) | | | | | | |
| 03 | Tốc độ động cơ (v/ph) (min/max) | | 19 | Độ lệch lực phanh (%) | | | | | | |
| 04 | Độ khói trung bình (%) | | 20 | Khối lượng cầu xe KĐ(kg) | | | | | | |
| 05 | Sai lệch lớn nhất các lần đo | | 21 | Hiệu quả phanh cầu (%) | | | | | | |
| 06 | Thời gian gia tốc lớn nhất (s) | | 22 | Lực cản lăn trái (N) | | | | | | |
| 07 | Cường độ pha trái (kCd) | | 23 | Lực cản lăn phải (N) | | | | | | |
| 08 | Cường độ pha phải (kCd) | | 24 | Lực phanh đỗ trái (N) | | | | | | |
| 09 | Cường độ cốt trái (kCd) | | 25 | Lực phanh đỗ phải (N) | | | | | | |
| 10 | Cường độ cốt phải (kCd) | | 26 | Độ lệch phanh đỗ (%) | | | | | | |
| 11 | Góc lệch trên, dưới pha/ cốt trái | | 27 | Hiệu quả phanh đỗ/cầu (%) | | | | | | |
| 12 | Góc lệch trái, phải pha/ cốt trái | | 28 | Khối lượng xe vào KĐ (kg) | **Tên thông số** | | | | **7** | **8** |
| 13 | Góc lệch trên, dưới pha/ cốt phải | | 29 | Tổng lực phanh chính (N) | Lực phanh trái (N) | | | | | |
| 14 | Góc lệch trái, phải pha/ cốt phải | | 30 | Hiệu quả phanh chính (%) | Lực phanh phải (N) | | | | | |
| 15 | Độ trượt ngang (mm) | | 31 | Tổng lực phanh đỗ (N) | Độ lệch lực phanh (%) | | | | | |
| 16 | Còi | | 32 | Hiệu quả phanh đỗ (%) | Khối lượng/cầu xe KĐ (kg) | | | | | |

**Đánh giá kết quả kiểm tra:** *(ghi rõ công đoạn đạt. Trường hợp không đạt, ghi rõ hạng mục và nguyên nhân không đạt)*

**Công đoạn 1:** ***(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)***

**Công đoạn 2:** ***(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)***

**Công đoạn 3:** ***(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)***

**Công đoạn 4:** ***(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)***

**Công đoạn 5:** ***(Họ và tên đăng kiểm viên kiểm tra)***

**Kết luận:** Phương tiện …quy định về ATKT và BVMT Chu kỳ KĐ:… tháng. Thời hạn hiệu lực GCN:…/…/…

**Dây chuyền số:**

**Phụ trách dây chuyền**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

| Ảnh 1 (Tổng thể) | Ảnh 2 (Biển số) |
|---|---|

Thời gian in PKĐ:…

Mã kiểm tra:

*Ghi chú: Ảnh chụp tương ứng với lần kiểm định.*